TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019.
V/v: "Ly hôn giữa chị Q và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thanh.

Bà: Bùi Thị Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa***:

Bà: Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Q Sinh năm: 1996(*Có mặt)*

Địa chỉ: Xóm 20, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T Sinh năm: 1991*(Vắng mặt)*

Tên gọi khác : Nguyễn Văn T

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 23/10/2019, nguyên đơn chị Trịnh Thị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung T kết hôn vào ngày 24/03/2015, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống

được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên xảy ra những xung đột. Từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Kiều N sinh ngày 15/06/2015. Hiện cháu đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2019, bị đơn anh Nguyễn Trung T trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Q kết hôn vào ngày 24/03/2015, quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Khoảng 02 năm nay, vợ chồng sống ly thân. Nay chị Q xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Kiều N sinh ngày 15/06/2015. Hiện cháu đang ở cùng chị Q. Nay ly hôn anh nhường quyền nuôi con chung cho chị Q.

Về tài sản, công nợ chung: vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/11/2019 với Ủy ban nhân dân xã N về nguyên nhân phát sinh tranh chấp như sau: Đối với mâu thuẫn của chị Q và anh T địa phương không nắm được do không có đơn thư từ cơ sở. Ngoài ra, vì các đương sự nộp đơn trực tiếp tại Tòa án không hòa giải tại cơ sở nên không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trung T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị Q và anh Nguyễn Trung T. Về con chung: Giao chị Trịnh Thị Quỳnh tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Kiều N sinh ngày 15/06/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị Q phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Trung T vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Trịnh Thị Q và anh Nguyễn Trung T kết hôn vào ngày 24 tháng 3 năm 2015, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng không có sự hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc gì đến ai. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; anh Nguyễn Trung T không đồng ý. Tuy nhiên , trong suốt quá trình sống ly thân giữa anh T và chị Q không có biện pháp nào để hàn gắn. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Q và anh T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Q với anh Nguyễn Trung T.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị 01 con chung là Nguyễn Kiều N sinh ngày 15/06/2015. Hiện cháu đang ở cùng chị Q. Sau khi xem xét ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung nên giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị Q phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trung T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Q và anh Nguyễn Trung T(Nguyễn Văn T)

2. Về nuôi con chung: Giao chị Trịnh Thị Q tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Kiều N sinh ngày 15/06/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0001027 ngày 09/10/2019.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trung T(Nguyễn Văn T) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Phạm Mạnh Cường